

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 12 - 3 - 2021

*“V/việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Lập

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Thanh – Thư ký Tòa án thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Công - Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử số 2, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 803/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 432/TB- TA ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng T1**, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: tổ 53, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở: tổ 40, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc T2**, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: tổ 53, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở: tổ 40, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt lần thứ 2 (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng T1 trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Quốc T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 08/8/2007. Sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh T2 có mối quan hệ với người khác, nợ lẫn bên ngoài, anh T2 không có công ăn việc làm, thường xuyên đi chơi, thỉnh thoảng anh T2 mới về nhà, không quan tâm đến vợ con. Từ đó dẫn đến hai bên thường xuyên cãi vã, cuộc sống rất mệt mỏi, hiện không ai còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T2.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị T1 và anh T2 có 03 người con chung là: cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 14/3/2008, cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2012 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 08/02/2019. Khi ly hôn chị T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu A, cháu N, cháu Lam đến khi cháu A, cháu N, cháu N thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn là Trần Thị Hồng T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Quốc T2 và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 14/3/2008, cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2012 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 08/02/2019 đến khi cháu A, cháu N, cháu N thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Quốc T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Bảo N trình bày ý kiến nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ là chị Trần Thị

Hồng T1 nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 17/12/2020, ông Đoàn Văn D – Tổ trưởng Tổ 40, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xác nhận có nội dung: Chị Trần Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Quốc T2 kết hôn với nhau vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 sinh sống tại tổ 53, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tháng 12/2019 thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại tổ 40, khu 4, phường C, thành phố H. Giữa anh T2 và chị T1 đã có mâu thuẫn, còn mâu thuẫn từ khi nào thì ông Du không rõ. Nguyên nhân mâu thuẫn ông Du được biết là do anh T2 không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chơi bời bạn bè, không tu chí làm ăn, quan điểm sống của hai người không hợp nhau. Việc anh T2 có ngoại tình, lô đề cờ bạc hay không thì ông Du không rõ. Tuy chị T1 và anh T2 chung sống cùng một nhà nhưng ai còn quan tâm đến ai.

Về con chung: chị T1 và anh T2 có 03 người con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh năm: 2008, cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm: 2012 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh năm 2019. Việc chăm sóc con cái đa phần là do chị T1 chăm lo. Về công việc hiện tại chị T1 hiện là chủ quán vịt Tuần Thảo tại tổ 30, khu 3, phường C, thành phố H, anh T2 không có công ăn việc làm ổn định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của của chị Trần Thị Hồng T1 với anh Nguyễn Quốc T2. Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh năm: 2008, cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm: 2012 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh năm 2019 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 03 con chung là cháu A, cháu N, cháu Lam thành niên (đủ 18 tuổi), anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng T1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc T2 và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn có nơi ĐKHKTT tại: tổ 53, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và chỗ ở tại: tổ 40, khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Quốc T2 mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Căn cứ vào bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Quốc T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 08/8/2007 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị T1 và anh T2 chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 9/2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính cách hai bên không hợp nhau, anh T2 thường xuyên chơi bời bạn bè, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị T1 và anh T2 hiện sống cùng một nhà nhưng không ai còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng T1. Chị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị T1 và anh T2 có 03 người con chung là: cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 14/3/2008, cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2012 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 08/02/2019. Khi ly hôn chị T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu A, cháu N, cháu Lam đến khi cháu A, cháu N, cháu Lam thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bản thân chị T1 hiện đang kinh doanh quán ăn, thu nhập trung bình hàng tháng từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ. Xét thấy chị T1 có đủ điều kiện, khả năng để nuôi 03 con chung và căn cứ vào ý kiến nguyện vọng của con chung là cháu Nguyễn Bảo A,

Nguyễn Bảo N (đối với cháu Nguyễn Bảo L chưa đủ 36 tháng tuổi). Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T1, giao 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, Nguyễn Bảo N và cháu Nguyễn Bảo L cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A, cháu N và cháu Lam thành niên (đủ 18 tuổi), anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung. Anh T2 có quyền thăm nom 03 con chung không ai được cản trở, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T1 phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng T1 với bị đơn là anh Nguyễn Quốc T2.

Chị Trần Thị Hồng T1 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T2.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 14/3/2008, cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2012 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 08/02/2019 cho chị Trần Thị Hồng T1 trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Bảo A, Nguyễn Bảo N, Nguyễn Bảo L thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Quốc T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Quốc T2 có quyền thăm nom 03 con chung không ai được cản trở, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002729 ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Trần Thị Hồng T1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Nguyễn Quốc T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tp Hạ Long;*
- *Chi cục THADS tp H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND p.C, tp H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

